TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 177/2023/DS-PT
Ngày: 19-04-2023
"*V/v Tranh chấp ranh giới QSDĐ"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Dũng;

Ông Sỹ Danh Đạt;

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hồng Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Bạch Nga-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19/4/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng 02 năm 2023 về "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất". Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 156/2022/ DS-ST ngày 30 tháng 09 năm 2022 của Tòa án nhân dân Huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 173/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 03 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 211/2023/QĐ-PT ngày 07/4/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phan Thị Thùy T**, sinh năm 1983
Địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:*

1. Ông **Bùi Văn T1**, sinh năm 1948
2. Anh **Bùi Quang K**, sinh năm 1973
Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông T1 và anh K:* Bà **Võ Thị Băng G**, sinh năm 1957; Địa chỉ: số B, Khóm M, Thị Trấn M, Huyện C, Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Lê Thị T2**, sinh năm 1950
2. Anh **Bùi Quang T3**, sinh năm 1980
Cùng địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
3. Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1972

4. Chị **Bùi Thị Trúc L**, sinh năm 1998
Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

5. Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1953
Địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo*: Bà Phan Thị Thùy T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/4/2022, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Phan Thị Thùy T trình bày như sau:*

Nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp là của bà Lê Thị H (mẹ của chị T) với tổng diện tích là 11.642m^2, bao gồm thửa số 241 diện tích 1.786,2m^2 loại đất ở và thửa 247 diện tích 9.856,2m^2 loại đất lúa, cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp A, xã P, huyện C,tỉnh Đồng Tháp.

Vào khoảng tháng 02/2017 bà H đã cho chị T một phần đất với diện tích 498m^2 đất ở thuộc thửa số 3034, tờ bản đồ số 6 và diện tích 4.770m^2 đất lúa, thuộc thửa số 3036, tờ bản đồ số 06, cùng tọa lạc tại ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Hiện nay, 02 diện tích đất này chị T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/3/2017.

Tiếp giáp với phần đất của chị T là đất của ông Bùi Văn T1, ngụ tại ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Trước khi chị T nhận đất sử dụng đã có xác định ranh đất với ông Bùi Văn T1 và đã có trụ đá xác định ranh ở mặt tiền và sau hậu, hai bên đồng ý ký vào giấy thỏa thuận xác định ranh ngày 27/12/2016 giữa ông T1 và bà H (căn cứ theo bản án phúc thẩm của Tòa án tỉnh Đồng Tháp về việc chia thừa kế). Trước khi bà H cho chị T 02 diện tích đất nêu trên thì phần đất này đã bị ông T1 sử dụng lấn chiếm cất nhà, làm hàng rào trước đó, vì lúc đó bà H bận nuôi người bệnh nên không có thời gian để giải quyết tranh chấp với ông T1, con trong gia đình thì đi làm xa, nên bà H nghĩ là đất vẫn còn đó đợi thu xếp công việc xong thì sẽ gửi lên chính quyền giải quyết. Cho đến nay, diện tích lấn chiếm chiều ngang 02m thẳng ra sau hậu, diện tích lấn chiếm khoảng 100m².

Cho đến khi bà H cho chị T 02 diện tích đất để sử dụng thì chị T vẫn thống nhất theo trụ ranh mà bà H và ông T1 xác định trước đó, gần đây nhất chị T và ông T1 có ký giấy xác định ranh đất với nhau để ông T1 cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử đất của ông T1. Khi chị T xây dựng hàng rào trên đất thì con ông T1 qua hành hung, chửi mắng, dùng những lời lẽ xúc phạm chị T.

Diện tích đất mà ông Bùi Quang K lấn chiếm qua đất chị T chiều ngang mặt tiền khoảng 6,15m, chiều ngang phía sau hậu đất ông K là khoảng 2,28m, chiều dài khoảng 36,33m, diện tích lấn chiếm khoảng 165m^2 tại thửa số 3034 và 3036 của của chị T đứng tên quyền sử dụng đất. Ông Bùi Văn T1 lấn chiếm qua chị T chiều ngang giáp ông K là khoảng 2,8m, chiều dài khoảng 216,1m, chiều ngang sau hậu đất ông T1 khoảng 0,74m, diện tích lấn chiếm khoảng 225,5m^2 tại thửa số 3036 và thửa số 3034 của chị T đang đứng tên quyền sử dụng đất.

Tháng 3/2021, bà Lê Thị H chuyển nhượng cho chị T diện tích 239m^2, thửa số 1027, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Phần

đất này nằm cặp mé sông C. Trên phần đất này có một bụi tre thuộc về gia đình chị T và 01 con đường cho máy cắt, máy xới,.... lên xuống thuận tiện. Trong quá trình sử dụng đất, ông T1 nói rằng bụi tre thuộc về bên ông nên ông T1 đã tự ý đốn hạ bụi tre. Ông T1 cũng nói rằng phần đường đi lên xuống sông là của ông nên ông cũng tự ý lấy ghe chặn phần lối đi, ngăn nhưng cản việc sử dụng của gia đình chị T. Như vậy, phần đất ông T1 đã lấn chiếm là diện tích 28,7m^2 (ngang 4,9m, ngang đầu ngoài 5,97m, chiều dài giáp sông C là 5,97m, chiều dài giáp lộ nông thôn là 4,92m).

Chị T thống nhất với các biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản định giá tài sản và sơ đồ đo đạc có trong vụ án.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chị T đang đứng tên đối với các thửa đất đang tranh chấp hiện chị T đang quản lý, không có cầm cố, thế chấp cho cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức nào khác.

Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C giải quyết như sau:

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa số 3036 của chị T và các thửa số 3578, 1045 và 1082 của ông T1 là đoạn thẳng nối giữa các mốc: mốc 3 - mốc 31 - mốc 28 - mốc 26 - mốc 22; xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa các thửa số 3034, 3036 của chị T và thửa số 3577 của anh K là đoạn thẳng nối giữa các mốc: mốc 22 - mốc 20 - mốc 19 - mốc 13; theo sơ đồ đo đạc ngày 10/01/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa số 1027 của chị T và thửa số 1006 của ông T1 là đoạn thẳng nối giữa mốc 3 - mốc 8 theo sơ đồ đo đạc ngày 14/02/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

Trường hợp xác định ranh giới quyền sử dụng đất như trên thì yêu cầu ông Bùi Văn T1 trả lại phần đất lấn chiếm chiều ngang giáp ông K khoảng 2,8m, chiều dài khoảng 216,1m, chiều ngang sau hậu đất ông T1 khoảng 0,74m, diện tích lấn chiếm khoảng 225,5m^2 tại thửa số 3036 và thửa số 3034, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do chị Phan Thị Thùy T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; yêu cầu anh Bùi Quang K trả lại phần đất lấn chiếm chiều ngang mặt tiền khoảng 6,15m, chiều ngang phía sau hậu đất ông K là khoảng 2,28m, chiều dài khoảng 36,33m, diện tích lấn chiếm khoảng 165m^2 tại thửa số 3036 và thửa số 3034, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do Phan Thị Thùy T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; yêu cầu ông Bùi Văn T1 trả lại phần đất lấn chiếm diện tích 28,7m^2 (ngang 4,9m, ngang đầu ngoài 5,97m, chiều dài giáp sông C là 5,97m, chiều dài giáp lộ nông thôn là 4,92m), thuộc thửa số 1027, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do Phan Thị Thùy T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Bùi Văn T1 trình bày:*

Phần diện tích đất ông đang sử dụng có nguồn gốc của ông ngoại vợ để lại cho ông, ông đã sử dụng đất hơn 40 năm nay, liền kề với phần đất của ông là phần đất của bà Lê Thị H, hiện nay con bà H là chị Phan Thị Thùy T đang đứng tên quyền sử dụng. Năm 2008, bà H có yêu cầu cấm trụ ranh phần đất giáp ranh giữa

đất của ông và bà H để lấp bờ mương, hai bên đã có thỏa thuận đồng ý xác định ranh đất và tiến hành trồng trụ đá.

Đến năm 2011, ông có yêu cầu bà H (mẹ bà T khi đó đang quản lý đất) và T4 (con bà H) ra ranh giới đất xác định ranh thêm 01 lần nữa để cho con ông xây nhà. Tại thời điểm đó, bà H đồng ý trụ ranh phía giáp bà H khoảng 04 tất đất (khoảng đất này bà H đào xới nhiều lần, hiện nay đã sát vách tường nền nhà con ông).

Năm 2015, bà H có hỏi ông để đóng thêm trụ ranh phụ phía ngoài trụ chính (trụ ranh chính nằm phía trong đường lộ) để dọn đường cho máy cắt, máy cày lên xuống. Ông không đồng ý do không thẳng hàng với trụ ranh chính mà lấn sang phần đất ông nên hai bên xảy ra tranh chấp.

Sau đó, bà H đã chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất cho chị Phan Thị Thùy T. Đến tháng 02/2020, chị T có làm hàng rào lưới B40 theo ranh đã thỏa thuận trước đó. Chị T đã đập bỏ trụ ranh chính phía trước giáp lộ giữa đất ông với đất chị T.

Nay ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thùy T vì ông đã sử dụng đúng diện tích đất được cấp, không lấn chiếm đất của chị T. Hộ của ông T1 hiện tại còn có vợ ông là bà Lê Thị T2 và con ông là anh Bùi Quang T3, ngoài ra không còn ai khác.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất đang tranh chấp nêu trên hiện ông đang quản lý, không có cầm cố hay thế chấp cho cá nhân, cơ quan hoặc tổ chức nào khác.

Ông thống nhất với các biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản định giá tài sản và sơ đồ đo đạc có trong hồ sơ vụ án, ông không có ý kiến gì về thủ tục tố tụng.

** Bị đơn Anh Bùi Quang K trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của ông T1, vào năm 2011, anh được ông T1 cho một phần diện tích đất để cất nhà ở thuộc thửa số 3577, tờ bản đồ số 6 tọa lạc ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Đến năm 2020 thì ông T1 tiến hành thủ tục tách thửa để sang tên cho anh và anh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh cất nhà ở ổn định từ năm 2011 đến nay, tại thời điểm xây dựng nhà không có ai tranh chấp. Trong hộ của anh hiện tại còn có vợ anh là Nguyễn Thị D và con anh là Bùi Thị Trúc L, ngoài ra không còn ai khác. Anh thống nhất với các sơ đồ đo đạc, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ cũng như các biên bản định giá tài sản mà Tòa án đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà anh đang đứng tên hiện do anh đang quản lý, không có cầm cố, thế chấp cho cá nhân, hoặc cơ quan, tổ chức nào khác. Đối với yêu cầu của nguyên đơn anh không đồng ý.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Thị Trúc L thống nhất với lời trình bày của ông T1 và anh K, ngoài ra không bổ sung gì thêm.

- Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phan Thị Thùy T.

1. Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định giữa thửa số 1027 (do chị Phan Thị Thùy T đứng tên quyền sử dụng) và thửa số 1006 (do ông Bùi Văn T1 đứng tên quyền sử dụng) cùng tờ bản đồ số 6, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp là đoạn thẳng nối từ mốc 4 đến mốc 7 theo sơ đồ đo đạc ngày 14/02/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

2. Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định giữa các thửa số 3034, thửa số 3036 (do chị Phan Thị Thùy T đứng tên quyền sử dụng) và các thửa số 3577 (do anh Bùi Quang K đứng tên quyền sử dụng), thửa số 3578, thửa số 1045, thửa 1082 (do ông Bùi Văn T1 đang đứng tên quyền sử dụng) cùng tờ bản đồ số 6, tọa lạc xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp là đoạn thẳng nối qua các mốc: mốc 14 - mốc 17 - mốc 18 - mốc 21 - mốc 27 - mốc 29 - mốc 30 - mốc 2 theo sơ đồ đo đạc ngày 10/01/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

3. Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian đến lòng đất; tài sản, cây trồng, công trình xây dựng, công trình kiến trúc của bên người nào lấn chiếm ranh đất phải di dời, tháo dỡ hay đốn bỏ theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 10/01/2022 và ngày 14/02/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C và các biên bản xem xét thẩm định tại chỗ cùng ngày 06/5/2021 của Tòa án huyện C).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm bà T kháng cáo bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; không thống nhất với quyết định của bản án sơ thẩm; giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bị đơn không đồng ý với quyết định bản án sơ thẩm;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thùy T đối với bị đơn là ông Bùi Văn T1 và Bùi Quang K về vị trí đất mà bên nguyên đơn đang quản lý sử dụng đất nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất phù hợp với quy định tại điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bên nguyên đơn không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên có kháng cáo. Tòa án T5 thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của của bà Phan Thị Thùy T; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

_+ Về nguồn gốc

Phần đất diện tích đất thuộc các thửa số 1027, 3034 và 3036, cùng tờ bản đồ số 6, tọa lạc xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp có nguồn gốc của bà Lê Thị H. Tuy nhiên, bà H đã xác lập hợp đồng tặng cho bà Phan Thị Thùy T và bà T cũng đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/3/2017.

Phần diện tích đất thuộc các thửa số 3577, 3578, 1045 và 1082, cùng tờ bản đồ số 6, tọa lạc xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp có nguồn gốc của ông ngoại vợ của ông T1 để lại. Sau đó, ông T1 đăng ký kê khai và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với thửa số 3577, ông T1 đã xác lập thủ tục tặng cho anh Bùi Quang K vào năm 2020, hiện anh K đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Về quá trình sử dụng đất

Bà Phan Thị Thùy T trình bày, phần diện tích ranh giới quyền sử dụng đất tranh chấp trước đây do bà Lê Thị H trực tiếp quản lý và sử dụng, đến khi bà H tặng cho bà T thì bà T là người trực tiếp sử dụng. Tuy nhiên, bà T không chứng minh được quá trình sử dụng đất của bà H và bà từ trước đến nay như thế nào.

Bị đơn ông Bùi Văn T1 cho rằng phần ranh giới quyền sử dụng đất đang tranh chấp là thuộc quyền sử dụng của ông, ông là người trực tiếp sử dụng đất đã từ rất lâu; tại phần đất thuộc thửa số 3577 trước đây có con mương dẫn nước từ sông C vào, giữa con mương và đất của bà T là bờ mương, ông T1 có trồng bụi tre trên bờ mương, đến năm 2011 thì ông T1 đốn bụi tre và san lấp con mương để cho anh K. Phần ranh đất thuộc các thửa 3578, 1045 và 1082 thì ông T1 sử dụng trồng các loại cây ăn trái và một số cây tạp khác, hiện tại vẫn còn một số cây như xoài, mít, chuối, cóc.

Anh Bùi Quang K trình bày phần đất thuộc thửa số 3577 là do anh được cha là ông T1 tặng cho từ năm 2011, thời điểm đó phần đất này có con mương, trên bờ mương có trồng tre và một số cây tạp khác, khi đó, anh và ông T1 tiến hành đốn cây và san lấp mương để anh tiến hành xây dựng nhà ở như hiện nay, căn nhà của anh K nằm sát hàng rào lưới B40 của bà T xây dựng sau này. Tại thời điểm anh K xây dựng nhà thì phía gia đình của bà H, bà T không tranh chấp hoặc có ý kiến gì khác.

Tháng 02/2020, ông Bùi Văn T1 tiến hành đo đạc thực tế để tách thửa đối với thửa số 3577 để sang tên cho anh Bùi Quang K, tại thời điểm đo đạc có những người giáp ranh ký tên xác định ranh đất, trong đó có bà Phan Thị Thùy T.

+ Về thực tế sử dụng:

Theo sơ đồ đo đạc cũng như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, trên phần diện tích đất đang tranh chấp thuộc thửa số 3577 có một căn nhà kết cấu bê tông cốt thép của anh Bùi Quang K, căn nhà được xây dựng từ năm 2011 đến nay, khi anh K tiến hành xây dựng nhà kiên cố và sử dụng trong thời gian dài mà không có xảy ra bất kỳ tranh chấp từ phía bà H cũng như bà T. Chạy dọc theo ranh đất từ lộ nhựa ra phía sau hậu thì ông T1 và anh K có sử dụng đất để trồng một số loại cây ăn trái, cây cảnh và cây tạp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H, bà T thừa nhận toàn bộ trụ đá dọc theo ranh đất mà theo sơ đồ đo đạc có thể hiện là do trước đây bà H trồng để cho bên ông T1 không lấn ranh qua đất của bà; nghĩa là bà H cũng đã xác định hàng trụ đá là ranh của 02 bên; Nay bà H, bà T yêu cầu xác định ranh đất giữa thửa số 3036 của bà T và các thửa số 3578, 1045 và 1082 của ông T1 là đoạn thẳng nối giữa các mốc: mốc 3 - mốc 31 - mốc 28 - mốc 26 - mốc 22; xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa các thửa số 3034, 3036 của chị T và thửa số 3577 của anh K là đoạn thẳng nối giữa các mốc: mốc 22 - mốc 20 - mốc 19 - mốc 13 là chưa phù hợp.

Từ những nhận định và phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị Thùy T giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên người kháng cáo phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 9 điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị Thùy T;

2. Giữ nguyên quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 156/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân Huyện C;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Thị Thùy T.

+ Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định giữa thửa số 1027 (do bà Phan Thị Thùy T đứng tên quyền sử dụng) và thửa số 1006 (do ông Bùi Văn T1 đứng tên quyền sử dụng) cùng tờ bản đồ số 6, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp là đoạn thẳng nối từ mốc 4 đến mốc 7 theo sơ đồ đo đạc ngày 14/02/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

+ Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định giữa các thửa số 3034, thửa số 3036 (do bà Phan Thị Thùy T đứng tên quyền sử dụng) và các thửa số 3577 (do anh Bùi Quang K đứng tên quyền sử dụng), thửa số 3578, thửa số 1045, thửa 1082 (do ông Bùi Văn T1 đang đứng tên quyền sử dụng) cùng tờ bản đồ số 6, tọa lạc xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp là đoạn thẳng nối qua các mốc: mốc 14 - mốc 17 - mốc 18 - mốc 21 - mốc 27 - mốc 29 - mốc 30 - mốc 2 theo sơ đồ đo đạc ngày 10/01/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

+ Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian đến lòng đất; tài sản, cây trồng, công trình xây dựng, công trình kiến trúc của bên người nào lấn chiếm ranh đất phải di dời, tháo dỡ hay đốn bỏ theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 10/01/2022 và ngày 14/02/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C và các biên bản xem xét thẩm định tại chỗ cùng ngày 06/5/2021 của Tòa án huyện C).

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, điều chỉnh cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Phan Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009369 ngày 14/06/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Như vậy bà T đã nộp xong án phí.

Về chi phí tố tụng khác: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

- Về án phí phúc thẩm:

Bà T phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009902 ngày 07/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện C .

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H. C;
- Chi cục THADS H. C;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Võ Trinh